TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC** Bản án số: 26/2019/HS-ST Ngày 16 - 4 - 2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái.

2. Bà Trương Thị Hương Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc K, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1986 tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc K và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Đinh Thị B và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, "có mặt".

2. Nguyễn Thị S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 tại xã L, huyện M, Thành phố H; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị V; chồng: Không có và có 01 con; tiền án: 01 tiền án (Tại bản án hình sự số 48/2018/HSST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt bị cáo S 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2018 đến ngày 31/8/2018 được trả tự do tại phiên tòa); tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2019 đến nay, "có mặt".

Bị hại: Chị Bùi Lệ Q, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn B, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người làm chứng:* Anh Đỗ Ngọc C, Chị Nguyễn Thị N, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/01/2019, Đỗ Ngọc K gặp gì ruột là Nguyễn Thị S tại cổng nhà K. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên K nảy sinh ý định rủ S đi trộm cắp tài sản. K nói với S "Bà ơi, hai bà cháu mình đi chợ B nhé" ý là K rủ S đi chợ B, xem có ai sơ hở gì thì trộm cắp tài sản. S hiểu ý K là rủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý và nói: "Ừ thì đi, kiếm được đồng nào thì mua rau, không kiếm được thì thôi". Sau đó, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Ware màu đỏ biển kiểm soát: 29N4-6618 chở S đi đến chợ B. Khi đến chợ, S nói với K: "tao xuống đây, mày cứ đợi ở đây" nên K đứng ở ngoài chợ chờ S. Còn S một mình đi bộ vào trong chợ xem ai sơ hở gì thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ 00 phút khi đến ki ốt bán quần áo của chị Dương Thị T ở B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, S thấy chị Bùi Lệ Q ở N, P, Vĩnh Phúc đang ngồi xem quần áo. S quan sát thấy trong túi áo khoác bên trái đang mặc trên người chị Q có một chiếc ví, một phần ví hở ra ngoài túi áo. S tiến lại ngồi sát bên trái chị Q giả vờ hỏi mua quần áo. Lợi dụng lúc chị Q không để ý, S dùng tay phải thò vào bên trong túi áo của chị Q lấy ra chiếc ví rồi đi nhanh ra khỏi quầy quần áo. S thấy K đang đứng cách đó khoảng từ 03 đến 05 mét nên đến đưa cho K chiếc ví vừa trộm cắp để K cất giấu. Ngay lúc đó, chị Q phát hiện mình bị mất ví nên nhìn xung quanh thì phát hiện ra S là người vừa ngồi cạnh mình đang cầm chiếc ví trên tay nên chạy theo S và hô hoán đồng thời giật lại chiếc ví từ tay K. Sau đó K bỏ chạy, còn S bị người dân giữ lại đưa về trình báo Công an xã B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau khi bỏ chạy, K biết hành vi phạm tội của mình nên quay lại Công an xã B để đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 ví sợi vải thổ cẩm hoa văn nhiều màu sắc kích thước 19cm × 10cm, có hai ngăn khóa, bên trong ví có 3.575.000 đồng; 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Lệ Q.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ của Nguyễn Thị S 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đã cũ, số imei: 359315045715231; 01 ví dạng thổ cẩm có hoa văn màu đen đỏ vàng kích thước 19cm × 12cm, có 01 ngăn khóa bên trong có số tiền 890.000 đồng. Tạm giữ của Đỗ Ngọc K 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng, số imei: 35281009304585 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Ware màu đỏ biển kiểm soát: 29N4-6618.

Ngày 14/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại: Chiếc ví và số tiền 3.575.000 đồng; 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư nhân dân cho chị Bùi Lệ Q là chủ sở hữu hợp pháp. Sau khi nhận lại tài sản đã bị trộm cắp, chị Q không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKSBX ngày 04/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo K từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo K cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo S phải chấp hành từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 02 tháng 01 năm 2019, Đỗ Ngọc K rủ Nguyễn Thị S đi chợ để trộm cắp tài sản. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, tại khu vực chợ B, huyện B S đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 ví sợi vải thổ cẩm đã cũ bên trong có số tiền 3.575.000 đồng, 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư nhân dân của chị Bùi Lệ Q ở xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi lấy được tài sản, S và K bị bắt quả tang bị thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ, biên bản hiện trường,…Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự qui định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng…, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người khác, lén lút trộm cắp tài sản là chiếc ví bên trong có số tiền 3.575.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy:

Đối với Đỗ Ngọc K là người giữ vai trò khởi xướng việc phạm tội, có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, khi hành vi trộm cắp bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình với cơ quan điều tra, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Đối với Nguyễn Thị S là người giữ vai trò đồng phạm tích cực thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về hành vi "Trộm cắp tài sản" và đang trong thời gian thử thách của án treo nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo là "tái phạm" nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 3.575.000 đồng, 01 chiếc ví, 01 thẻ ATM và 01 chứng minh thư nhân dân của chị Bùi Lệ Q. Ngày 14/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho chị Q. Sau khi nhận lại tài sản, chị Q không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ware biển kiểm soát: 29N4- 6618 mà K sử dụng khi đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định: Năm 2012, K mua chiếc xe trên của anh Đỗ Ngọc C, sinh năm 1980 ở tổ dân phố Đ, thị trấn T. Anh C mua lại của một người phụ nữ không quen biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành tra cứu, xác minh kết quả biển kiểm soát, số khung, số máy của chiếc mô tô trên không phải của cùng một xe mô tô. Xe không còn đăng ký xe nên chưa rõ nguồn gốc. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, số tiền 890.000 đồng và 01 ví thổ cẩm là tài sản của Nguyễn Thị S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại Samsung J7 là tài sản của Đỗ Ngọc K, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí: Các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc K 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 48/2018/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02 tháng 01 năm 2019 nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 28 tháng 6 năm 2018 đến ngày 31 tháng 8 năm 2018.

Giao bị cáo Đỗ Ngọc K cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho bị cáo S số tiền 890.000 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn đồng), 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 có số imei: 359315045715231 và 01 ví thổ cẩm nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo K 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 có số imei: 352810093045850 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí.

Buộc các bị cáo Đỗ Ngọc K, Nguyễn Thị S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Viện KSND H.B;
- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Cơ quan ĐT - Công an H.B;
- Cơ quan THAHS - Công an H.B;
- Cơ quan THADS H.B;
- UBND TT.T, H.B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Anh Vũ